

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Mai Phương

Bà Dương Thị Hồng Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 234/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị H, sinh năm 1995.

Số CCCD: 066195000229

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Đông T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn C, sinh năm 1986.

Số CCCD: 044086004144

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 6, xã Đông T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ cư trú hiện nay: Số 36, ngõ 287, đường Dashe, quận Luzhu, Thành phố Cao H, Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn C là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã Đông T, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014 vào ngày 21/3/2014. Thời gian đầu chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cùng nhau xây dựng gia đình. Đến năm 2021, vì lý do kinh tế, chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Sau đó, năm 2022 anh C cũng qua lao động tại Đài Loan. Tuy hai vợ chồng lao động cùng một đất nước nhưng công ty của chị H và anh C ở xa nhau. Vì vậy, hai vợ chồng sống xa nhau và ít khi gặp nhau. Do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn C để ổn định cuộc sống, công việc.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017. Hiện hai con đang sống cùng với mẹ. Chị H và anh C có thỏa thuận với nhau để hai con cho bố nuôi dưỡng. Nhưng hiện nay anh C đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con được. Vì vậy, khi ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017 cho mẹ là chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Triệu Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa. Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

** Về phía bị đơn anh Phan Văn C:*

Tại bản tự khai (ngày 29/12/2025) có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, bị đơn anh Phan Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Văn C và chị Triệu Thị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã Đông T, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014 vào ngày 21/3/2014. Thời gian đầu chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cùng nhau xây dựng gia đình. Đến năm 2021, vì lý do kinh tế, chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Sau đó, năm 2022 anh C cũng qua lao động tại Đài Loan. Tuy hai vợ chồng lao động cùng một đất nước nhưng công ty của chị H và anh C ở xa nhau. Vì vậy, hai vợ chồng sống xa nhau và ít khi gặp nhau. Do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia

đình hai bên cũng can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Để có thể sớm giải thoát cho nhau nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị Triệu Thị H.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017. Hiện hai con đang sống cùng với mẹ. Anh C và chị H có thỏa thuận với nhau để hai con cho bố nuôi dưỡng. Nhưng hiện nay anh C đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con được. Vì vậy, khi ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017 cho mẹ là chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã giao nộp chứng cứ, có các bản tự khai đúng quy định thể hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Triệu Thị H ly hôn anh Phan Văn C.

Về con chung: giao cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không buộc anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc chị Triệu Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, bị đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 6, xã Đông T, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng

dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị H và anh Phan Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh C sang nước ngoài làm ăn thì tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị H và anh C không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Phan Văn C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017. Hiện hai con đang ở cùng chị H. Anh C hiện ở nước ngoài. HĐXX thấy cần chấp nhận đề nghị của chị H là giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cũng phù hợp nguyện vọng của các cháu Mỹ D và Quỳnh N muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn và ý kiến của anh Cường đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc chị Triệu Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238, các Điều 469, 474, 475; điểm a, b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Phan Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Triệu Mỹ D, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Phan Triệu Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2017 cho chị

Triệu Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được phép ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002108 ngày 02/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, chị Triệu Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Phan Văn C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV1, tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Đông T;
- Các đương sự;
- Lưu Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

